



LED CATALOGUE

ĐÈN LED ANNA MEIDA LIGHTING



CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu



PHÂN PHỐI

Sản phẩm được phân phối và bảo hành toàn quốc



HỖ TRỢ

Đội ngũ kỹ thuật cao, sẵn sàng hỗ trợ khách hàng 24/7



Giới thiệu

[illegible][illegible][illegible]

 ELING CERT EUROPEAN CERTIFICATION COMPANY S.R.L.	
<u>CERTIFICATE OF CONFORMITY</u> FULLY COMPLIANT OF TECHNICAL FILE	
Certificate No. Issue Date Applicant (Name & Address) Manufacturer (Name & Address) Test Report No.	1.010.0018 04/12/2018 TRON TRINIA PART COMPANY LIMITED Via S. Andrea, 10 - 40138 Bologna (BO) - Italy Ontario, Via C. de' Neri - Milano Same as applicant 1.0300003
Product Description (Material) Denomination	LED STRIPS LedStrip 2835 A 2, 42x42x6 and LedStrip+ CDS55 Lamps (ATX, V, V+, V-, V0, V00) Low Voltage Electronics 200W/55°C EN 60598-1:2015, EN 61347-1:2011 EN62473-2:12014
It is to certify that, upon the submission of application by the above mentioned company, (ELINGCERT as Third Party Authority) has reviewed the Technical Documentation File of the mentioned product which found to be fully in line with the requirements of above mentioned European Standard.	
NOTE: The manufacturer must have a CE Declaration of Conformity according to the basic requirements of the applicable and relevant CE Directive. This is based on the declaration of use and is commensurate to the EC declaration of conformity. • The CE marking can be affixed as the obvious representation with the manufacturer's responsibility, if all criteria are completely fulfilled. • All modifications to the Technical File must be approved by the Third Party Inspection Authority to ensure validity of the attestation. (Notwithstanding to what is stated in the Declaration and configuration mentioned above)	
  _____ Third Party Inspection Authority	
Third Party Inspection Authority	

60 CHECK FOR A CERTIFICATED AND A REGISTERED MEMBER OF EUROPEAN ASSOCIATION, ASSOCIATION
 OF EUROPEAN CERTIFICATION COMPANIES (ECC)

WWW.ECC-CERT.COM WWW.ECC-CERT.COM WWW.ECC-CERT.COM
 E-mail: info@ecc-cert.com info@ecc-cert.com info@ecc-cert.com

[illegible][illegible]

KT-04-020017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/06/2018

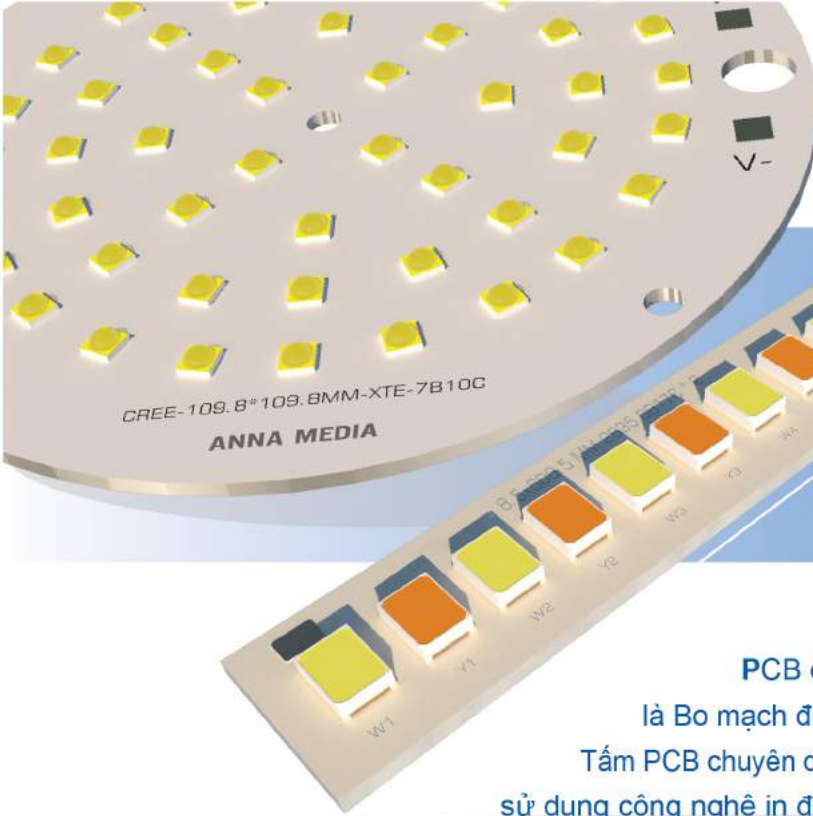
TCVN 10885 : 2015 (ISO 9001 : 2015) CHỨNG CHỈ



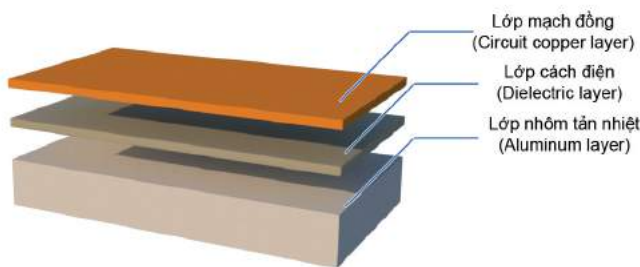
Danh Chương	Vấn đề (Issues) - Description - Topic	Mô tả - Remark - Remark	Nhận xét Conclusion
	Thống kê về vấn đề phân Phân tích information	Thống kê về các phân tích được thực hiện trong quá trình sản xuất Phân tích information in the production	Đạt Pass
40	Công cụ kiểm soát chất lượng (S) Quality control process	100%	Đạt Pass
50	Việc vận dụng Chosen way	1000/100	Đạt Pass
60	Quản lý chất lượng (S) Quality control	1000/100	Đạt Pass
70	Tính hiệu quả trong việc đánh giá rủi ro đặc biệt về năng lực nhân sự và kỹ thuật (S)	1000/100	Đạt Pass
80	Áp dụng phương pháp (S) để đo lường actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
90	Chỉ thị trong việc đánh giá rủi ro Management factors, value	7%	Đạt Pass
100	Mối liên hệ giữa Interrelation of management	1000/100	Đạt Pass
110	Các giá trị kiểm soát chất lượng, từ thời điểm đầu tiên	1000/100	Đạt Pass
120	Áp dụng phương pháp (S) để đo lường actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
130	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
140	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
150	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
160	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
170	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
180	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
190	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
200	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
210	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
220	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
230	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
240	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
250	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
260	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
270	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
280	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
290	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
300	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
310	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
320	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
330	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
340	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
350	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
360	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
370	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
380	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
390	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
400	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
410	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
420	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
430	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
440	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
450	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
460	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
470	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
480	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
490	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
500	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
510	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
520	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
530	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
540	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
550	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
560	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
570	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
580	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
590	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass
600	Chỉ số đánh giá trong quá trình sản xuất (S) Actual/realized total human performance factor (S)	1000/100	Đạt Pass

[illegible][illegible]

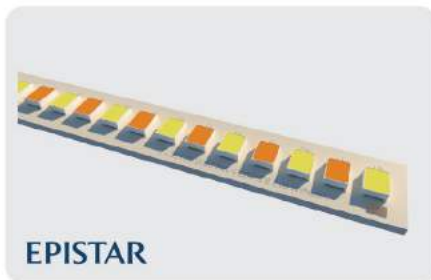
PCB LED



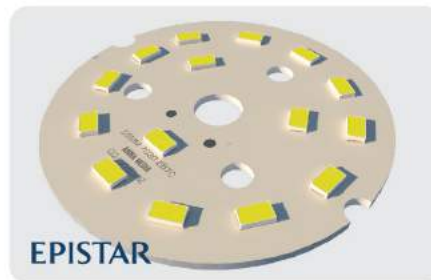
PCB được viết tắt của từ “printed circuit board” được dịch ra là Bo mạch điện, cũng có thể được gọi là bo mạch hay bảng mạch in. Tấm PCB chuyên dụng cho lĩnh vực LED chiếu sáng được ANNA MEDIA thiết kế sử dụng công nghệ in điện tử (Printed electronics) trên tấm nền bằng hợp kim nhôm hệ số dẫn truyền nhiệt cao.



InnoLamp sử dụng chip LED có độ tin cậy cao của các hãng sản xuất uy tín trên thế giới như: Epistar (Đài Loan), Philips (Hà Lan), Cree và Bridgelux (Mỹ). Sản phẩm đèn LED của InnoLamp cho ánh sáng dễ chịu, trung thực và không chói mắt.



EPISTAR
Epistar SMD 2835: Được lắp đặt trong Đèn Âm trần siêu mỏng, Ốp trần, Panel, Tube



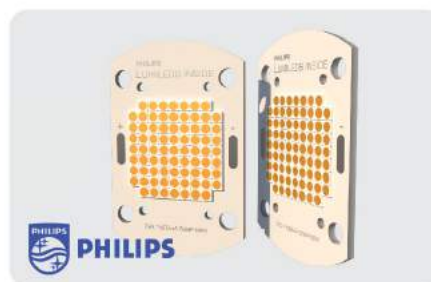
EPISTAR
Epistar SMD 5730: Được lắp đặt trong đèn Âm trần Downlight



bridgelux
Bridgelux COB: Được lắp đặt trong đèn Ray rọi, Chỉnh hướng, Lon



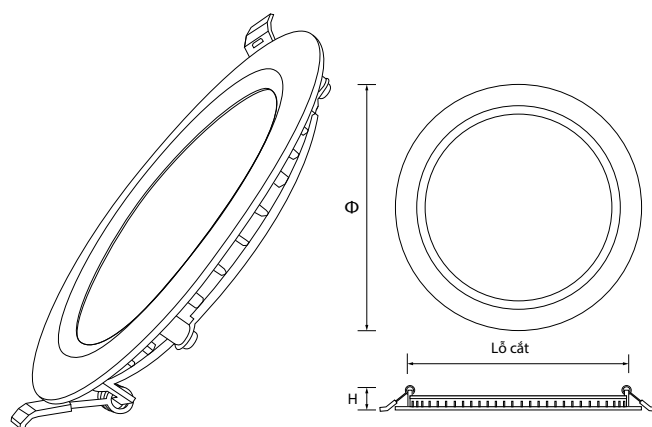
CREE
Cree SMD 3030: Được lắp đặt trong Đèn nhà xưởng, Đèn đường



PHILIPS
Philips SMD 3030: Được lắp đặt trong Đèn pha, Đèn nhà xưởng



PHILIPS
Philips SMD 3030: Được lắp đặt trong Đèn pha, Đèn đường.

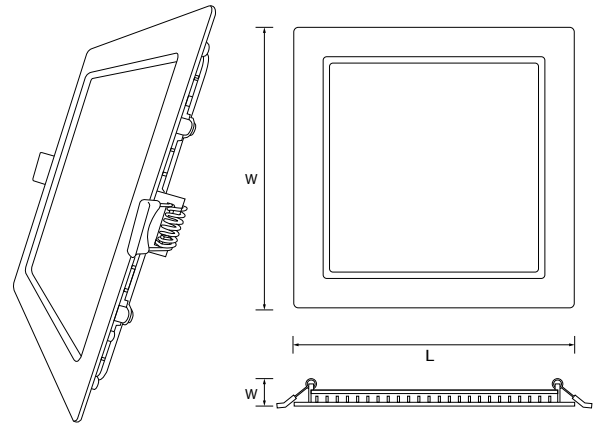


THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần tròn siêu mỏng mẫu ATX.
Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.
Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện.
Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

AC 85-265v 50Hz	EpistarLED	SMD2835	PF ~ 0.5	RA > 80 CRI	CCT 3000K 4000K 6000K	80 PLUS Efficiency >90%	30000 Giờ	120°	WORK TEMP +50°C -20°C
--------------------	------------	---------	----------	----------------	-----------------------------	-------------------------	-----------	------	--------------------------

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-ATX03-085/SE(x)	3	T/N/V	270	Φ85 x H25	Φ75	89,000
ANNA-ATX06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	Φ120 x H25	Φ110	125,000
ANNA-ATX09-150/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ150 x H25	Φ135	175,000
ANNA-ATX12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	Φ170 x H25	Φ155	202,000
ANNA-ATX18-225/SE(x)	18	T/N/V	1,620	Φ225 x H25	Φ210	274,000
ANNA-ATX24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H25	Φ285	422,000
ANNA-ATX24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H25	Φ285	511,000
ANNA-ATX06-120/SE3	6	3 chế độ	540	Φ120 x H25	Φ110	185,000
ANNA-ATX09-150/SE3	9	3 chế độ	810	Φ150 x H25	Φ135	273,000
ANNA-ATX12-170/SE3	12	3 chế độ	1,080	Φ170 x H25	Φ155	319,000
ANNA-ATX18-225/SE3	18	3 chế độ	1,620	Φ225 x H25	Φ210	424,000



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần vuông siêu mỏng mẫu AVX.
 Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện.
 Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

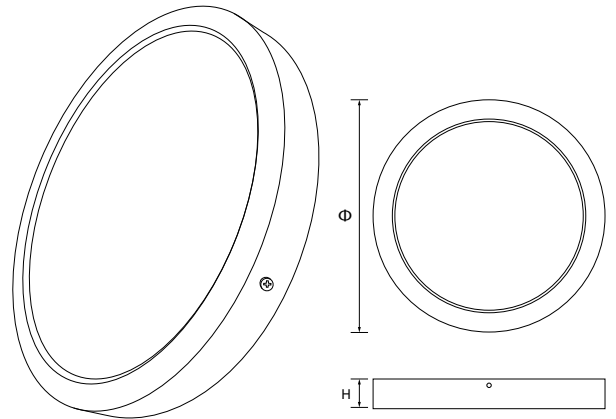


Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-AVX06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	120 x 120 x H25	110 x 110	138,000
ANNA-AVX12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	170 x 170 x H25	155 x 155	222,000
ANNA-AVX20-225/SE(x)	20	T/N/V	1,800	225 x 225 x H25	205 x 205	331,000
ANNA-AVX24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H25	280 x 280	474,000
ANNA-AVX24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H25	280 x 280	541,000

CÔNG SUẤT bóng đèn là công suất tiêu thụ điện thực tế, không phải là công suất phát sáng của bóng đèn.

Nếu mua những bóng đèn tiêu tốn nhiều điện năng, thì bạn sẽ mất số tiền không nhỏ để trả tiền điện thấp sáng hàng tháng. Có thể bạn đang sử dụng bóng đèn với công suất lớn nhưng mức độ chiếu sáng không đạt yêu cầu, và bạn đang phải chi trả số tiền quá lớn mà bạn không biết.



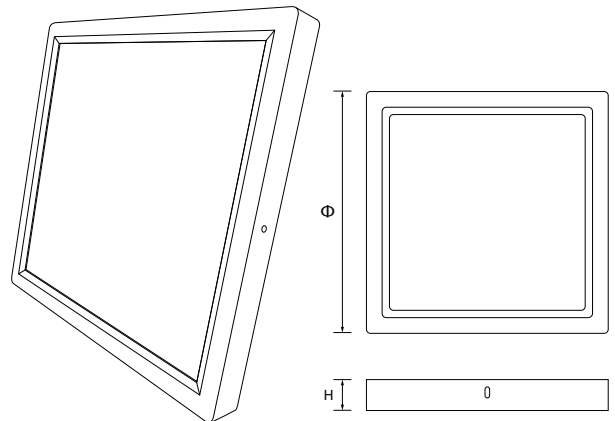


THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED ốp trần tròn mẫu OTX.
 Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện.
 Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất (x)	Nhiệt màu	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-OTX06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	Φ120 x H30	153,000
ANNA-OTX12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	Φ170 x H30	237,000
ANNA-OTX18-230/SE(x)	18	T/N/V	1,620	Φ230 x H30	308,000
ANNA-OTX24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H30	454,000
ANNA-OTX24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H30	542,000
ANNA-OTX48-600/SE(x)	48	T/N/V	3,840	Φ600 x H30	1,985,000
ANNA-OTX06-120/SE3	6	3 chế độ	540	Φ120 x H30	229,000
ANNA-OTX12-170/SE3	12	3 chế độ	1,080	Φ170 x H30	343,000
ANNA-OTX18-230/SE3	18	3 chế độ	1,620	Φ230 x H30	454,000



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED ốp trần vuông mẫu OVX.

Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

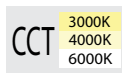
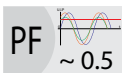
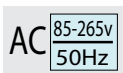
PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện.

Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



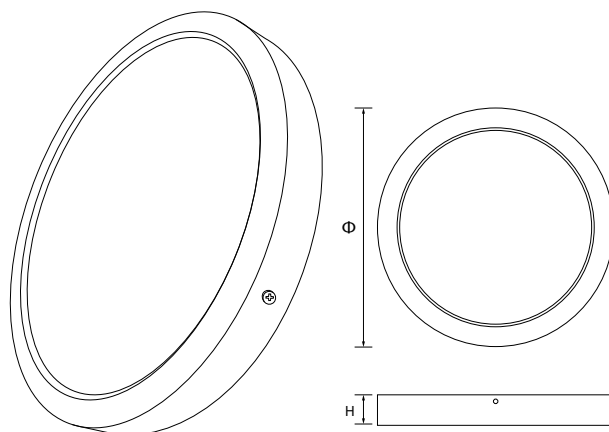
Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-OVX06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	120 x 120 x H30	171,000
ANNA-OVX12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	170 x 170 x H30	252,000
ANNA-OVX20-225/SE(x)	20	T/N/V	1,800	225 x 225 x H30	369,000
ANNA-OVX24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H30	490,000
ANNA-OVX24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H30	561,000

LED DRIVER – Nguồn Led

Đây là thành phần rất quan trọng, có nhiệm vụ chuyển đổi nguồn điện lưới (AC) thành điện 1 chiều (DC) với dòng điện ổn định cung cấp cho chip LED phát sáng.

Nguồn LED ANNA MEDIA sản xuất có những ưu điểm nổi trội như: Power Isolated - nguồn cách ly, dải điện áp hoạt động rộng, mạch bảo vệ quá áp và chống sét lan truyền, mạch lọc xung kim, mạch lọc nhiễu, không bị hiện tượng nhấp (Flicker) tuổi thọ linh kiện trên 30.000 giờ.





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED ốp trần tròn vỏ màu mẫu OTC.

Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

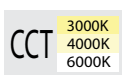
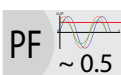
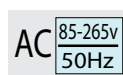
PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, mạ màu phủ nano.

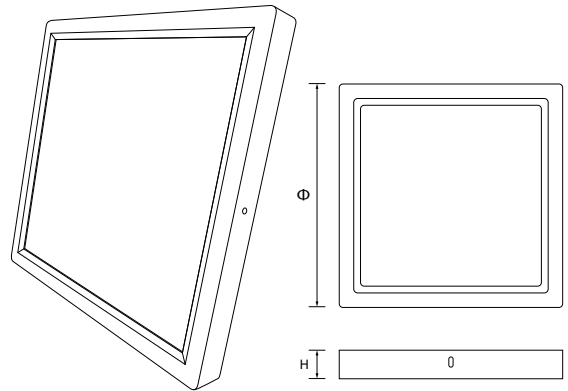
Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-OTC06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	Φ120 x H30	209,000
ANNA-OTC12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	Φ170 x H30	340,000
ANNA-OTC18-225/SE(x)	18	T/N/V	1,620	Φ225 x H30	442,000
ANNA-OTC24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H30	680,000
ANNA-OTC24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	Φ300 x H30	757,000
ANNA-OTC06-120/SE3 	6	3 chế độ	540	Φ120 x H30	263,000
ANNA-OTC12-170/SE3 	12	3 chế độ	1,080	Φ170 x H30	439,000
ANNA-OTC18-225/SE3 	18	3 chế độ	1,620	Φ225 x H30	580,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED ốp trần vuông vỏ màu mẫu OVC.

Chip LED: Epistar SMD 2835 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

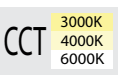
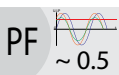
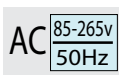
PCB LED: LED thanh, chip LED được hàn trên thanh nhôm dày 0.8mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, mạ màu phủ nano.

Vật liệu dẫn sáng: Plastic, PMMA/PS LGP có hệ số truyền sáng cao.

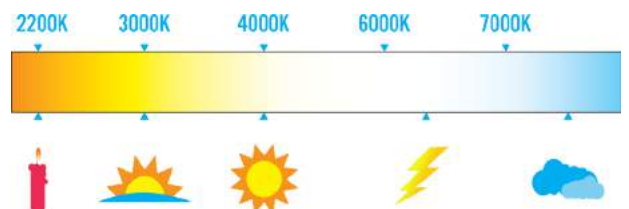
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

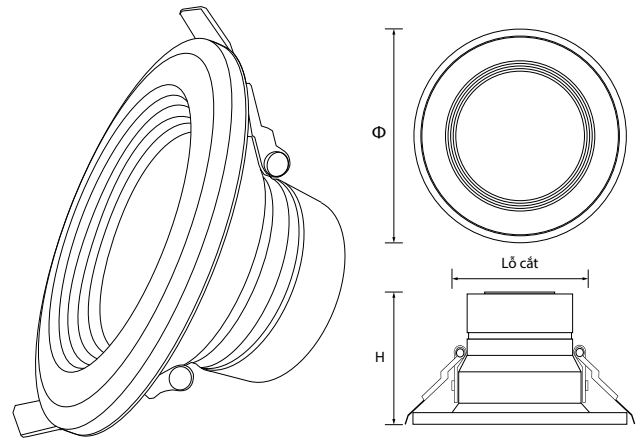


Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-OVC06-120/SE(x)	6	T/N/V	540	120 x 120 x H30	233,000
ANNA-OVC12-170/SE(x)	12	T/N/V	1,080	170 x 170 x H30	360,000
ANNA-OVC20-225/SE(x)	20	T/N/V	1,620	225 x 225 x H30	516,000
ANNA-OVC24-300/SE(x)	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H30	737,000
ANNA-OVC24-300/SE(x)P	24	T/N/V	2,160	300 x 300 x H30	814,000

NHIỆT ĐỘ MÀU – Correlated Color Temperature (CCT) là một đại lượng đặc trưng của ánh sáng, cho biết ánh sáng phát ra có màu gì, là ánh sáng ấm hay lạnh.

Nhiệt độ màu được đo bằng Kelvin (K), nhiệt độ Kelvin cao hơn cho màu lạnh hơn, ngược lại nhiệt độ K thấp hơn cho thấy màu ấm hơn. Nhiệt độ dao động từ 1.000K đến 10.000K. Tuy nhiên trong chiếu sáng dân dụng nhiệt độ màu thường nằm ở khoảng 3.000 đến 6.500K.





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTA.
 Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, cắt CNC công nghệ hiện đại.
 Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

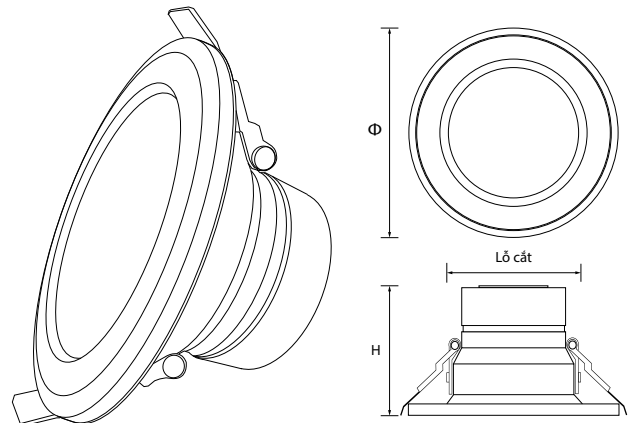


Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTA05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H55	Φ70	117,000
ANNA-DTA07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ70	124,000
ANNA-DTA05-100/SE3	5	3 chế độ	450	Φ100 x H55	Φ70	132,000
ANNA-DTA07-100/SE3	7	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ70	140,000

CHỈ SỐ HOÀN MÀU được ký hiệu là CRI (Color Rendering Index) phản ánh độ trung thực màu sắc của vật khi được nguồn sáng chiếu tới, chỉ số hoàn màu càng cao thì màu sắc vật thể được chiếu sáng càng chân thực và gần với tự nhiên hơn. Ánh sáng mặt trời (ánh sáng ban ngày) là có chỉ số hoàn màu cao nhất, Ra = 100. Nguồn sáng đèn đường cao áp Natri có chỉ số hoàn màu thấp Ra = 26, nguồn sáng huỳnh quang cho chỉ số hoàn màu Ra > 70, loại LED chất lượng cao (đèn LED ANNA MEDIA) có chỉ số hoàn màu Ra > 80.



DTB ĐÈN ÂM TRẦN DOWNLIGHT LED Recessed Downlight



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTB.

Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, cắt CNC công nghệ hiện đại.

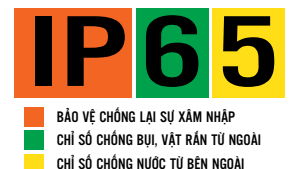
Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.

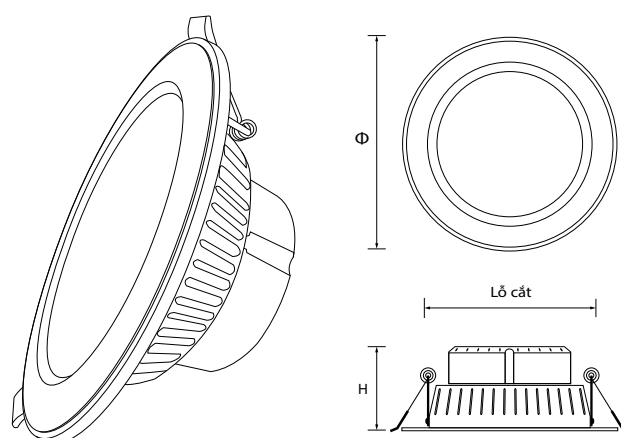
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTB05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H55	Φ70	117,000
ANNA-DTB07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ70	124,000
ANNA-DTB05-100/SE3	5	3 chế độ	450	Φ100 x H55	Φ70	132,000
ANNA-DTB07-100/SE3	7	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ70	140,000

CHỈ SỐ IP – Ingress Protection (IP) đây là chỉ số thể hiện mức độ bảo vệ chống lại sự xâm nhập của bụi và nước của thiết bị. Cấp bảo vệ IP đã được quy chuẩn bởi tiêu chuẩn quốc tế IEC:60259 hoặc tiêu chuẩn việt nam TCVN 4255:2008 Thông thường cấp bảo vệ IP được mã hóa bởi chữ cái đầu IP và hai chữ số biểu thị chỉ số bảo vệ IP (ví dụ: IP20, IP65) Chữ số thứ nhất: Là chỉ số bảo vệ IP thể hiện mức độ chống lại sự xâm nhập của vật rắn từ bên ngoài. Chữ số thứ hai: Là chỉ số bảo vệ IP thể hiện mức độ chống lại sự xâm nhập của nước từ bên ngoài.





THÔNG TIN SẢN PHẨM

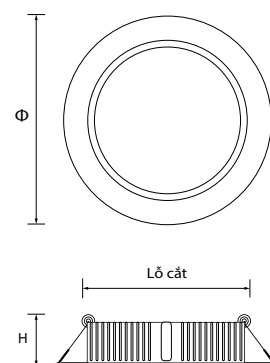
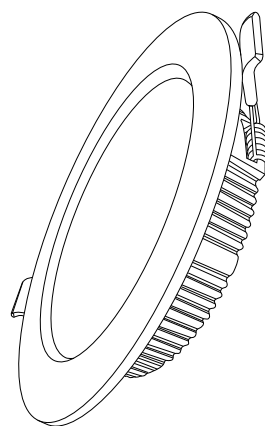
Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTC.
 Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Nhôm tấm cán nguội, cắt CNC công nghệ hiện đại.
 Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTC05-120/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ120 x H60	Φ100	129,000
ANNA-DTC07-120/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H60	Φ100	132,000
ANNA-DTC07-145/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ145 x H60	Φ125	156,000
ANNA-DTC09-145/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ145 x H60	Φ125	178,000
ANNA-DTC12-145/SE(x)	12	T/N/V	1,080	Φ145 x H60	Φ125	189,000
ANNA-DTC05-120/SE3	5	3 chế độ	450	Φ120 x H60	Φ100	139,000
ANNA-DTC07-120/SE3	7	3 chế độ	630	Φ120 x H60	Φ100	151,000
ANNA-DTC07-145/SE3	7	3 chế độ	630	Φ145 x H60	Φ125	185,000
ANNA-DTC09-145/SE3	9	3 chế độ	810	Φ145 x H60	Φ125	221,000
ANNA-DTC12-145/SE3	12	3 chế độ	1,080	Φ145 x H60	Φ125	228,000

DTD ĐÈN ÂM TRẦN DOWNLIGHT

LED Recessed Downlight



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTD.

Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

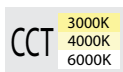
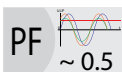
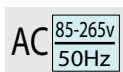
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện màu trắng.

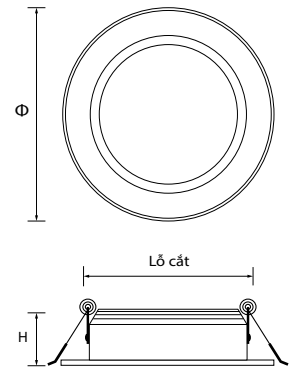
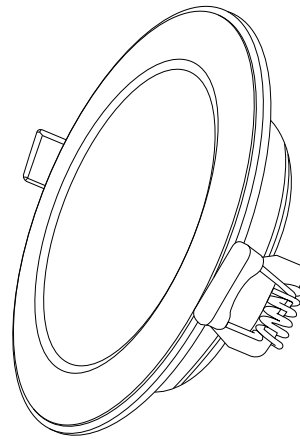
Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (1 chế độ)	Giá (3 chế độ)
ANNA-DTD05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H30	Φ70	115,000	138,000
ANNA-DTD07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ110 x H30	Φ80	118,000	156,000
ANNA-DTD07-110/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H30	Φ90	135,000	147,000
ANNA-DTD07-120/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H30	Φ90	147,000	183,000
ANNA-DTD07-145/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ145 x H30	Φ110	190,000	223,000
ANNA-DTD09-120/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ120 x H30	Φ90	167,000	215,000
ANNA-DTD09-145/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ145 x H30	Φ110	196,000	239,000
ANNA-DTD12-145/SE(x)	12	T/N/V	1,080	Φ145 x H30	Φ110	206,000	248,000
ANNA-DTD15-170/SE(x)	15	T/N/V	1,350	Φ170 x H30	Φ130	273,000	x
ANNA-DTD18-170/SE(x)	18	T/N/V	1,620	Φ170 x H30	Φ130	275,000	x





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTF.
 Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Nhôm tấm cán nguội, cắt CNC công nghệ hiện đại.
 Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mẫu DTF không màu viền



Mẫu DTF viền màu bạc



Mẫu DTF viền màu vàng kim



Mẫu DTF không viền LED Recessed Downlight

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTF07-120/SE(x)N	7	T/N/V	630	Φ120 x H30	Φ90	110,000
ANNA-DTF07-140/SE(x)N	7	T/N/V	630	Φ140 x H30	Φ110	125,000
ANNA-DTF09-120/SE(x)N	9	T/N/V	810	Φ120 x H30	Φ90	146,000
ANNA-DTF09-140/SE(x)N	9	T/N/V	810	Φ140 x H30	Φ110	152,000
ANNA-DTF12-140/SE(x)N	12	T/N/V	1,080	Φ140 x H30	Φ110	174,000
ANNA-DTF07-120/SE3N 	7	3 chế độ	630	Φ120 x H30	Φ90	136,000
ANNA-DTF07-140/SE3N 	7	3 chế độ	630	Φ140 x H30	Φ90	147,000
ANNA-DTF09-120/SE3N 	9	3 chế độ	810	Φ120 x H30	Φ90	192,000
ANNA-DTF09-140/SE3N 	9	3 chế độ	810	Φ140 x H30	Φ110	199,000
ANNA-DTF12-140/SE3N 	12	3 chế độ	1,080	Φ140 x H30	Φ110	218,000



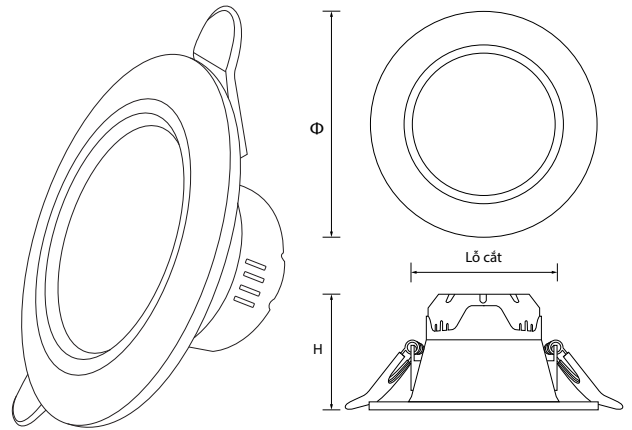
Mẫu DTF viền bạc LED Recessed Downlight

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTF05-105/SE(x)B	5	T/N/V	450	Φ105 x H30	Φ70	122,000
ANNA-DTF07-105/SE(x)B	7	T/N/V	630	Φ105 x H30	Φ70	125,000
ANNA-DTF07-120/SE(x)B	7	T/N/V	630	Φ120 x H30	Φ90	143,000
ANNA-DTF07-140/SE(x)B	7	T/N/V	630	Φ140 x H30	Φ110	160,000
ANNA-DTF09-120/SE(x)B	9	T/N/V	810	Φ120 x H30	Φ90	166,000
ANNA-DTF09-140/SE(x)B	9	T/N/V	810	Φ140 x H30	Φ110	183,000
ANNA-DTF12-140/SE(x)B	12	T/N/V	1,080	Φ140 x H30	Φ110	196,000
ANNA-DTF15-170/SE(x)B	15	T/N/V	1,350	Φ170 x H30	Φ140	286,000
ANNA-DTF18-170/SE(x)B	18	T/N/V	1,620	Φ170 x H30	Φ140	290,000
ANNA-DTF05-105/SE3B 	5	3 chế độ	450	Φ105 x H30	Φ70	138,000
ANNA-DTF07-105/SE3B 	7	3 chế độ	630	Φ105 x H30	Φ70	147,000
ANNA-DTF07-120/SE3B 	7	3 chế độ	630	Φ120 x H30	Φ90	171,000
ANNA-DTF07-140/SE3B 	7	3 chế độ	630	Φ140 x H30	Φ110	184,000
ANNA-DTF09-120/SE3B 	9	3 chế độ	810	Φ120 x H30	Φ90	212,000
ANNA-DTF09-140/SE3B 	9	3 chế độ	810	Φ140 x H30	Φ110	233,000
ANNA-DTF12-140/SE3B 	12	3 chế độ	1,080	Φ140 x H30	Φ110	239,000



Mẫu DTF viền vàng LED Recessed Downlight

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTF05-105/SE(x)V	5	T/N/V	450	Φ105 x H30	Φ70	128,000
ANNA-DTF07-105/SE(x)V	7	T/N/V	630	Φ105 x H30	Φ70	131,000
ANNA-DTF07-120/SE(x)V	7	T/N/V	630	Φ120 x H30	Φ90	153,000
ANNA-DTF07-140/SE(x)V	7	T/N/V	630	Φ140 x H30	Φ110	170,000
ANNA-DTF09-120/SE(x)V	9	T/N/V	810	Φ120 x H30	Φ90	176,000
ANNA-DTF09-140/SE(x)V	9	T/N/V	810	Φ140 x H30	Φ110	193,000
ANNA-DTF12-140/SE(x)V	12	T/N/V	1,080	Φ140 x H30	Φ110	204,000
ANNA-DTF15-170/SE(x)V	15	T/N/V	1,350	Φ170 x H30	Φ140	296,000
ANNA-DTF18-170/SE(x)V	18	T/N/V	1,620	Φ170 x H30	Φ140	298,000
ANNA-DTF05-105/SE3V 	5	3 chế độ	450	Φ105 x H30	Φ70	145,000
ANNA-DTF07-105/SE3V 	7	3 chế độ	630	Φ105 x H30	Φ70	147,000
ANNA-DTF07-120/SE3V 	7	3 chế độ	630	Φ120 x H30	Φ90	179,000
ANNA-DTF07-140/SE3V 	7	3 chế độ	630	Φ140 x H30	Φ110	193,000
ANNA-DTF09-120/SE3V 	9	3 chế độ	810	Φ120 x H30	Φ90	222,000
ANNA-DTF09-140/SE3V 	9	3 chế độ	810	Φ140 x H30	Φ110	243,000
ANNA-DTF12-140/SE3V 	12	3 chế độ	1,080	Φ140 x H30	Φ110	248,000

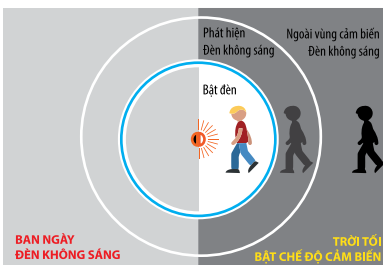


THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTG.
Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
Khung vỏ: Mặt nhôm cán nguội, có nhiều màu vỏ để lựa chọn.
Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

AC 85-265v 50Hz	EpistarLED	SMD5730	PF ~ 0.5	RA > 80 CRI	CCT 3000K 4000K 6000K	80 PLUS PLATINUM Efficiency >90%	30000 Giờ	105°	WORK TEMP +50°C -20°C
--------------------	------------	---------	----------	----------------	-----------------------------	-------------------------------------	-----------	------	--------------------------

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTG05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H55	Φ70	108,000
ANNA-DTG07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ70	124,000
ANNA-DTG05-100/SE3	5	3 chế độ	450	Φ100 x H55	Φ70	129,000
ANNA-DTG07-100/SE3	7	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ70	151,000
ANNA-DTG05-100/SE(x)S	5	Cảm biến	450	Φ100 x H55	Φ70	229,000



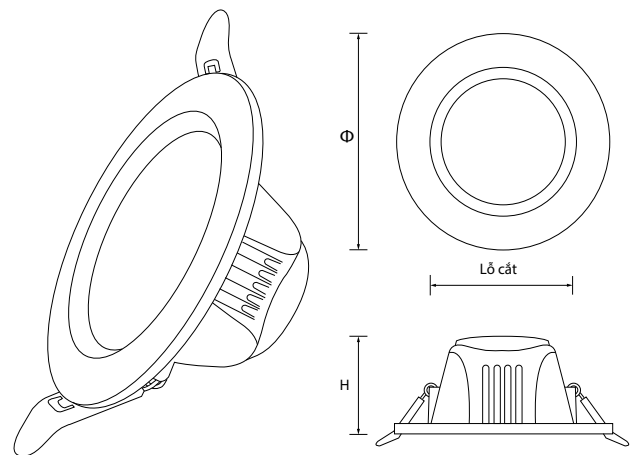
CẢM BIẾN – Sensor

Đây là tính năng được tích hợp thêm trên đèn LED, có khả năng phát hiện người tới gần và bật đèn khi trời tối.

- Cảm biến vi sóng.
- Cảm biến hồng ngoại.
- Cảm biến chuyển động.



DTH SERIES ĐÈN ÂM TRẦN DOWNLIGHT LED Recessed Downlight

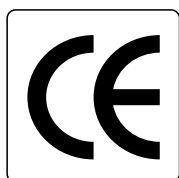


THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTH.
Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện màu trắng.
Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

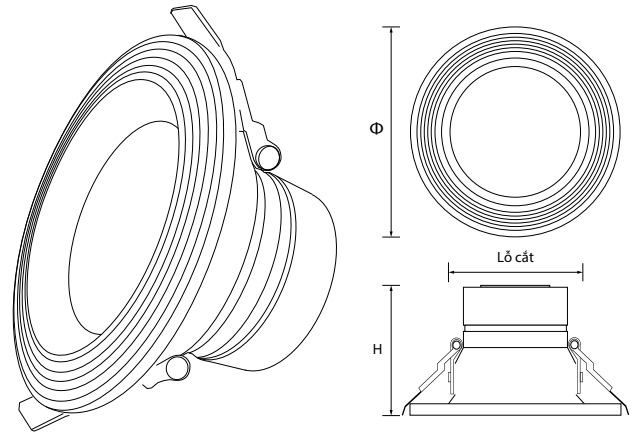


Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTH05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H55	Φ75	137,000
ANNA-DTH07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ75	147,000
ANNA-DTH09-120/SE(x)	9	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ90	193,000
ANNA-DTH05-100/SE3	5	3 chế độ	450	Φ100 x H55	Φ75	158,000
ANNA-DTH07-100/SE3	7	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ75	176,000
ANNA-DTH09-120/SE3	9	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ90	228,000



CE (European Conformity) - là biểu tượng để chứng tỏ sự cam kết của ANNA MEDIA rằng sản phẩm của chúng tôi đáp ứng các yêu cầu của các luật định của hội đồng Châu Âu. Theo Luật định của cộng đồng Châu Âu hầu hết các sản phẩm điện - điện tử (trừ một số sản phẩm) đều phải mang dấu CE mới được lưu thông trên thị trường Châu Âu.
 Các yêu cầu thiết yếu đối với các sản phẩm điện - điện tử là tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn đối với người sử dụng và tiêu chuẩn về khả năng tương thích điện từ trường.





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTK.

Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

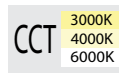
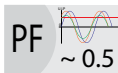
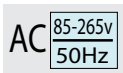
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, cắt CNC công nghệ hiện đại.

Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DTK05-100/SE(x)	5	T/N/V	450	Φ100 x H55	Φ70	117,000
ANNA-DTK07-100/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ100 x H55	Φ70	124,000
ANNA-DTK05-100/SE3	5	3 chế độ	450	Φ100 x H55	Φ70	132,000
ANNA-DTK07-100/SE3	7	3 chế độ	630	Φ100 x H55	Φ70	140,000

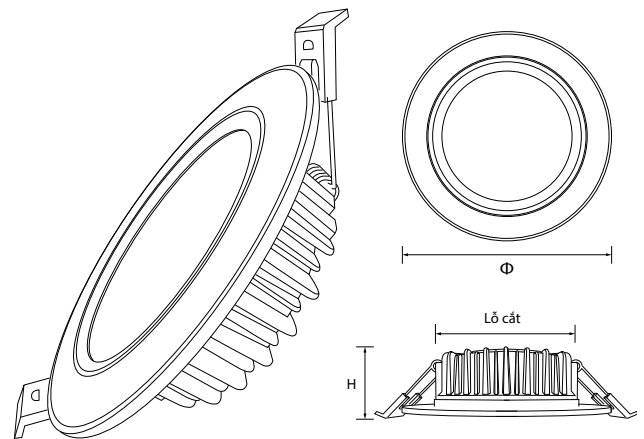


TIÊU CHUẨN AN TOÀN ROHS - là tên viết tắt của Restriction Of Hazardous Substances, được dịch là Sự hạn chế các chất độc hại. ROHS là một bộ quy tắc tiêu chuẩn được pháp luật Châu Âu ban hành nhằm bảo vệ con người và môi trường khỏi các chất độc hại có trong các sản phẩm điện và điện tử.

ANNA MEDIA hạn chế tối đa việc sử dụng các chất độc hại trong việc sản xuất đèn LED. ANNA dùng hợp chất Thiếc + Đồng (ZnCu) thay thế cho Chì (Pb) trong khi hàn linh kiện, không sử dụng Thủy ngân (Hg), không dùng Cadmium (Cd) và Hexavalent Chromium (Cr hóa trị 6) trong sản xuất.



DTI SERIES ĐÈN ÂM TRẦN DOWNLIGHT LED Recessed Downlight



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTI.

Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Mặt nhôm đúc áp lực cao, tản nhiệt nguyên khối.

Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

AC 85-265v
50Hz

EpistarLED

SMD5730

PF ~ 0.5

RA > 80
CRI

CCT 3000K
4000K
6000K

80 PLUS
Efficiency > 90%

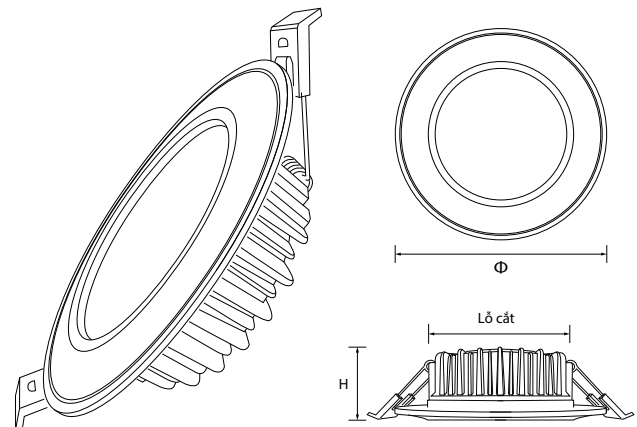
30000
Giờ

105°

WORK TEMP +50°C
-20°C

Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (Viên bạc)	Giá (Viên vàng)
ANNA-DTI07-110/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ110 x H35	Φ75	148,000	151,000
ANNA-DTI07-120/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H35	Φ90	165,000	169,000
ANNA-DTI09-120/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ120 x H35	Φ90	187,000	191,000
ANNA-DTI12-145/SE(x)	12	T/N/V	1080	Φ145 x H35	Φ105	245,000	251,000
ANNA-DTI07-110/SE3	7	3 chế độ	630	Φ110 x H35	Φ75	169,000	174,000
ANNA-DTI07-120/SE3	7	3 chế độ	630	Φ120 x H35	Φ75	191,000	199,000
ANNA-DTI09-120/SE3	9	3 chế độ	810	Φ120 x H35	Φ90	234,000	239,000
ANNA-DTI12-145/SE3	12	3 chế độ	1080	Φ145 x H35	Φ105	291,000	298,000





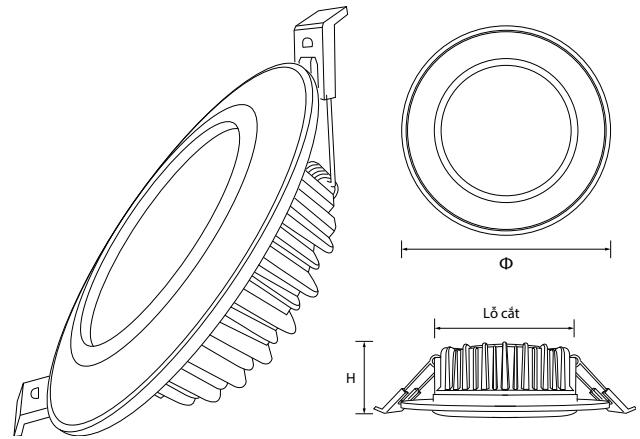
THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTL.
 Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Mặt nhôm cán nguội, tản nhiệt đúc nguyên khối.
 Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (Vỏ trắng)	Giá (Vỏ vàng)
ANNA-DTL07-110/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ110 x H35	Φ75	154,000	156,000
ANNA-DTL07-120/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H35	Φ90	174,000	175,000
ANNA-DTL09-120/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ120 x H35	Φ90	196,000	198,000
ANNA-DTL12-145/SE(x)	12	T/N/V	1080	Φ145 x H35	Φ105	252,000	256,000
ANNA-DTL07-110/SE3	7	3 chế độ	630	Φ110 x H35	Φ75	175,000	178,000
ANNA-DTL07-120/SE3	7	3 chế độ	630	Φ120 x H35	Φ75	205,000	206,000
ANNA-DTL09-120/SE3	9	3 chế độ	810	Φ120 x H35	Φ90	244,000	245,000
ANNA-DTL12-145/SE3	12	3 chế độ	1080	Φ145 x H35	Φ105	298,000	301,000

DTM SERIES ĐÈN ÂM TRẦN DOWNLIGHT
LED Recessed Downlight



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight mẫu DTM.

Chip LED: Epistar SMD 5730 (Đài Loan), tuổi thọ 30.000 giờ.

PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Mặt nhôm cán nguội, tản nhiệt đúc nguyên khối.

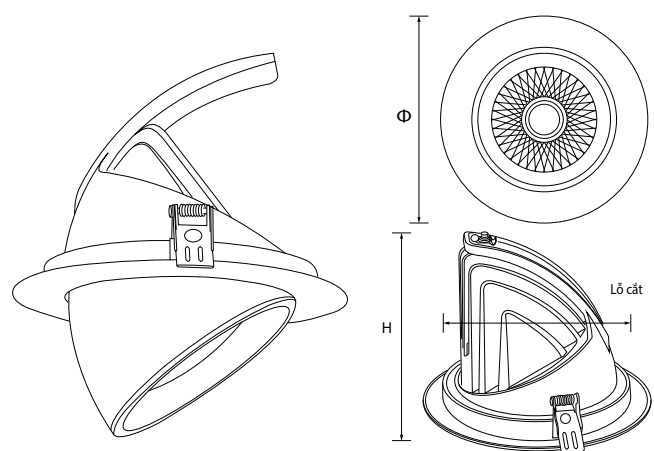
Vật liệu dẫn sáng: Nhựa PC, được thiết kế giúp phân bố đều ánh sáng.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (Viền bạc)	Giá (Viền vàng)
ANNA-DTM07-110/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ110 x H35	Φ75	154,000	156,000
ANNA-DTM07-120/SE(x)	7	T/N/V	630	Φ120 x H35	Φ90	174,000	175,000
ANNA-DTM09-120/SE(x)	9	T/N/V	810	Φ120 x H35	Φ90	196,000	198,000
ANNA-DTM12-145/SE(x)	12	T/N/V	1080	Φ145 x H35	Φ105	252,000	256,000
ANNA-DTM07-110/SE3	7	3 chế độ	630	Φ110 x H35	Φ75	175,000	178,000
ANNA-DTM07-120/SE3	7	3 chế độ	630	Φ120 x H35	Φ75	205,000	206,000
ANNA-DTM09-120/SE3	9	3 chế độ	810	Φ120 x H35	Φ90	244,000	245,000
ANNA-DTM12-145/SE3	12	3 chế độ	1080	Φ145 x H35	Φ105	298,000	301,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight Chính hướng mẫu DCF

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ 30.000 giờ.

Thiết kế: Chiều điểm, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Mặt nhôm đúc áp lực cao, tản nhiệt đúc nguyên khối.

Vật liệu phản quang: Lens PC đúc nguyên khối, phản xạ ánh sáng >95%.

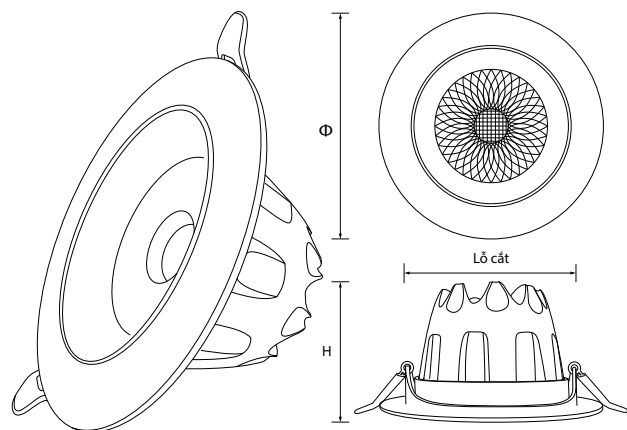
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DCF07-095/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ95 x H75	Φ70	438,000
ANNA-DCF12-115/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ115 x H90	Φ90	560,000
ANNA-DCF20-135/CB(x)	20	T/N/V	1600	Φ135 x H115	Φ110	748,000
ANNA-DCF24-170/CB(x)	24	T/N/V	1920	Φ170 x H150	Φ150	912,000
ANNA-DCF30-170/CB(x)	30	T/N/V	2400	Φ170 x H150	Φ150	1,033,000
ANNA-DCF12-115/CB3	12	3 chế độ	960	Φ115 x H90	Φ90	702,000
ANNA-DCF12-115/CB3Dim	12	3 chế độ + Dimmer	960	Φ115 x H90	Φ90	1,056,000

Dimmer: Sử dụng điều khiển từ xa dùng sóng IR.

DCE SERIES **ĐÈN ÂM TRẦN CHỈNH HƯỚNG**
LED Recessed Spot Light



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED âm trần Downlight Chỉnh hướng mẫu DCE.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

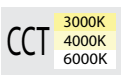
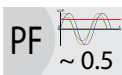
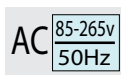
Thiết kế: Chiều điểm, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Mặt nhôm đúc áp lực cao, tản nhiệt đúc nguyên khối.

Vật liệu phản quang: Lens PC đúc nguyên khối hoặc chóa nhựa trắng gương.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Lỗ cắt	Giá (VNĐ)
ANNA-DCE03-070/CB(x)	3	T/N/V	240	Φ70 x H45	Φ50	148,000
ANNA-DCE05-070/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ70 x H45	Φ50	166,000
ANNA-DCE05-095/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ95 x H45	Φ75	168,000
ANNA-DCE07-095/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ95 x H45	Φ75	172,000
ANNA-DCE10-115/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ115 x H55	Φ95	275,000
ANNA-DCE12-115/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ115 x H55	Φ95	283,000
ANNA-DCE15-138/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ138 x H65	Φ115	355,000
ANNA-DCE18-138/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ138 x H65	Φ115	374,000
ANNA-DCE24-170/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ170 x H75	Φ145	503,000
ANNA-DCE30-170/CB(x)	30	T/N/V	2,400	Φ170 x H75	Φ145	628,000
ANNA-DCE12-115/CB3	12	3 chế độ	960	Φ115 x H55	Φ95	542,000



T2 SERIES ĐÈN TUBE T2 NHÔM

LED T2 Aluminum Tube



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-TL018-1M2/SE(x)	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 31 x 35	267,000
ANNA-TL018-1M2/SE(x)DIM1	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 31 x 35	426,000
ANNA-TL018-1M2/SE(x)DIM2	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 31 x 35	757,000

- DIM1: Tăng giảm độ sáng bằng Triac thông thường
- DIM2: Tăng giảm độ sáng bằng điều khiển áp 0-10V

BNG SERIES ĐÈN BÁN NGUYỆT

LED Tri-Proof Light Fixture



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-BNG18-0M6/SE(x)	18	T/N/V	2,100	Nhôm và nhựa	600 x 250 x 750	251,000
ANNA-BNG36-1M2/SE(x)	36	T/N/V	4,200	Nhôm và nhựa	1200 x 250 x 750	398,000



T5 ĐÈN TUBE T5 NHÔM

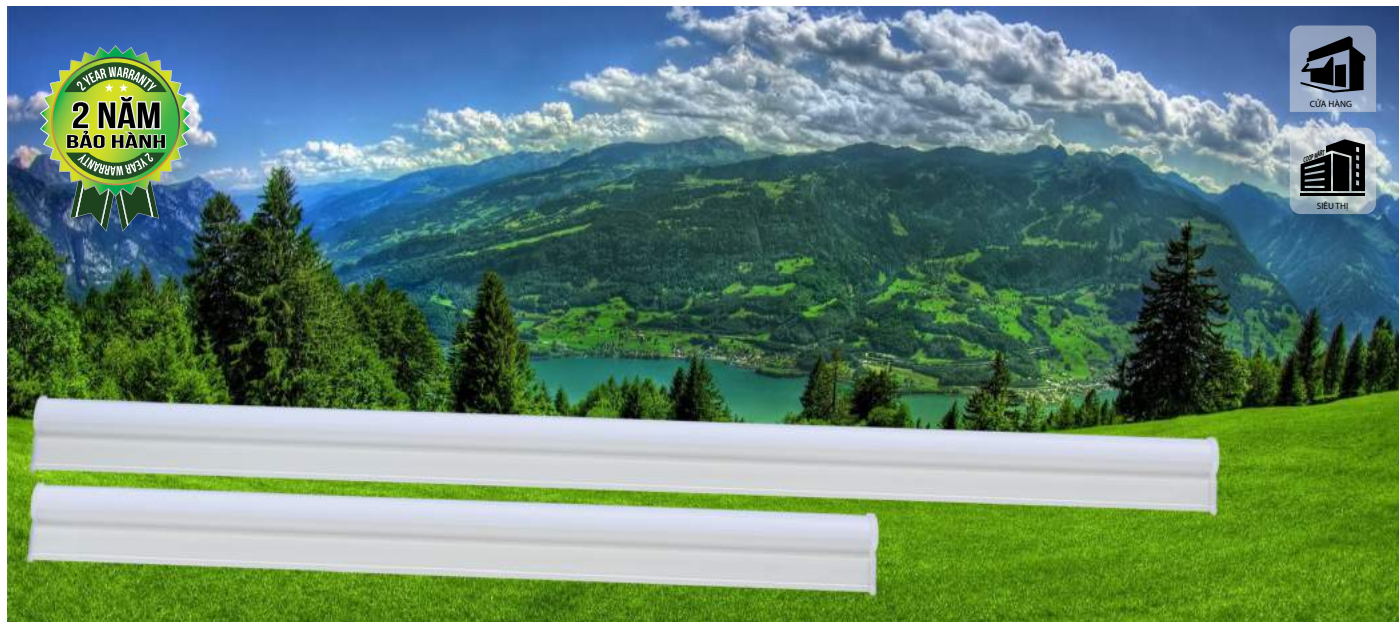
LED T5 Aluminum Tube



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-TN505-0M3/SE(x)	5	T/N/V	400	Nhôm và nhựa	300 x 24 x 35	86,000
ANNA-TN510-0M6/SE(x)	9	T/N/V	800	Nhôm và nhựa	600 x 24 x 35	138,000
ANNA-TN515-0M9/SE(x)	14	T/N/V	1,200	Nhôm và nhựa	900 x 24 x 35	182,000
ANNA-TN520-1M2/SE(x)	18	T/N/V	1,600	Nhôm và nhựa	1200 x 24 x 35	214,000

T5 ĐÈN TUBE T5 NHỰA

LED T5 Polycarbonate Tube



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-TB505-0M3/SE(x)	5	T/N/V	400	Nhựa	300 x 24 x 35	85,000
ANNA-TB510-0M6/SE(x)	9	T/N/V	800	Nhựa	600 x 24 x 35	133,000
ANNA-TB515-0M9/SE(x)	14	T/N/V	1,200	Nhựa	900 x 24 x 35	175,000
ANNA-TB520-1M2/SE(x)	18	T/N/V	1,600	Nhựa	1200 x 24 x 35	204,000



T8 SERIES ĐÈN TUBE T8 NHÔM

LED T8 Aluminum Tube



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-TN809-0M6/SE(x)	9	T/N/V	1,050	Nhôm và nhựa	600 x 30 x 30	200,000
ANNA-TN818-1M2/SE(x)	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 30 x 30	230,000
ANNA-TN818-1M2/SE(x) DIM1	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 30 x 30	459,000
ANNA-TN818-1M2/SE(x) DIM2	18	T/N/V	1,850	Nhôm và nhựa	1200 x 30 x 30	746,000
ANNA-TN818-1M2/SE(x)	36	T/N/V	3,900	Nhôm và nhựa	1200 x 30 x 30	360,000
ANNA-TN818-1M2/SE(x) EMC	36	T/N/V	3,900	Nhôm và nhựa	1200 x 30 x 30	481,000

T8 SERIES ĐÈN TUBE T8 NHỰA

LED T8 Polycarbonate Tube



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Vật liệu	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-TP809-0M6/SE(x)	18	T	900	Nhựa	600 x 30 x 30	125,000
ANNA-TP818-1M2/SE(x)	18	T	1,800	Nhựa	1200 x 30 x 30	164,000

AC 85-265v
50Hz

EpistarLED

SMD3030

PF ~ 0.5

RA > 80
CRI

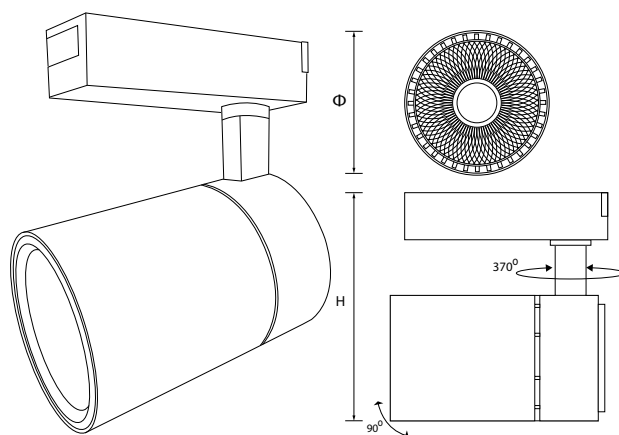
CCT 3000K
4000K
6000K

80 PLUS PLATINUM Efficiency >90%

30000 Giờ

140°

WORK TEMP +50°C
-20°C



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Ray rọi mẫu RRA.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

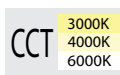
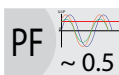
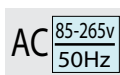
Thiết kế: Chiều điểm, chạy ray, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, tản nhiệt liền khối.

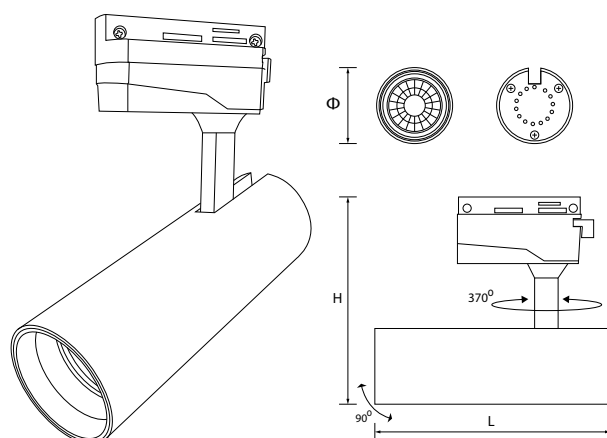
Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC tráng gương, phản xạ ánh sáng >98%.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-RRA07-070/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ70 x 95 x H145	376,000
ANNA-RRA10-070/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ70 x 95 x H145	413,000
ANNA-RRA12-070/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ70 x 95 x H145	421,000
ANNA-RRA15-085/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ85 x 135 x H160	569,000
ANNA-RRA18-085/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ85 x 135 x H160	588,000
ANNA-RRA20-085/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ85 x 135 x H160	607,000
ANNA-RRA24-100/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ100 x 150 x H175	681,000
ANNA-RRA30-100/CB(x)	30	T/N/V	2,400	Φ100 x 150 x H175	803,000
ANNA-RRA12-070/CB3	12	3 chế độ	960	Φ70 x 95 x H145	571,000



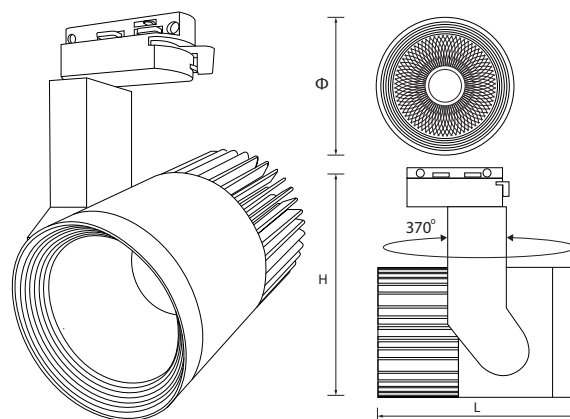


THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Ray rọi mẫu RRB.
Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.
Thiết kế: Chiều điểm, chạy ray, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.
Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
Khung vỏ: Nhôm định hình cắt CNC, tản nhiệt khối gắn trong.
Vật liệu phản quang: Lens PC đúc nguyên khối, phản xạ ánh sáng >95%..
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-RRB07-055/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ55 x 160 x H140	376,000
ANNA-RRB10-055/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ55 x 160 x H140	413,000
ANNA-RRB12-055/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ55 x 160 x H140	421,000
ANNA-RRB15-065/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ65 x 175 x H150	528,000
ANNA-RRB18-065/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ65 x 175 x H150	547,000
ANNA-RRB20-065/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ65 x 175 x H150	551,000
ANNA-RRB24-070/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ70 x 185 x H160	611,000
ANNA-RRB30-070/CB(x)	30	T/N/V	2,400	Φ70 x 185 x H160	733,000
ANNA-RRB12-055/CB3	12	3 chế độ	960	Φ55 x 160 x H140	571,000



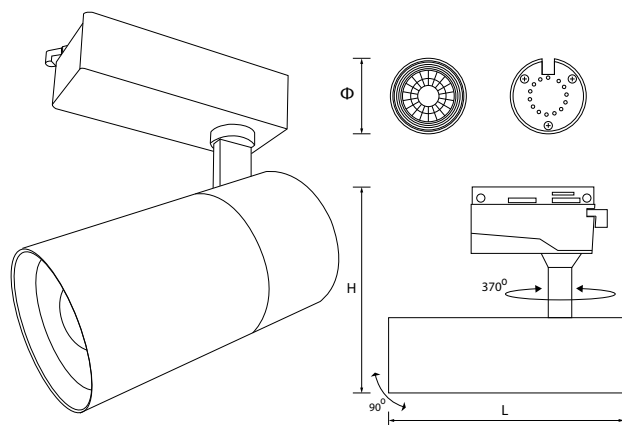
THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Ray rọi mẫu RRC.
 Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.
 Thiết kế: Chiều điểm, chạy ray, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.
 Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.
 Khung vỏ: Nhôm định hình, tản nhiệt nhôm khối dập nguội.
 Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC tráng gương, phản xạ ánh sáng >98%.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-RRC05-070/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ50 x 70 x H125	330,000
ANNA-RRC07-070/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ50 x 70 x H125	342,000
ANNA-RRC10-085/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ70 x 85 x H120	419,000
ANNA-RRC12-085/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ70 x 85 x H120	427,000
ANNA-RRC18-120/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ85 x 120 x H145	597,000
ANNA-RRC20-120/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ85 x 120 x H145	615,000
ANNA-RRC24-120/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ85 x 120 x H145	647,000
ANNA-RRC24-140/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ85 x 140 x H145	676,000
ANNA-RRC30-140/CB(x)	30	T/N/V	2,400	Φ85 x 140 x H145	797,000
ANNA-RRC12-085/CB3 	12	3 chế độ	960	Φ70 x 85 x H120	577,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Ray rọi mẫu RRD.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

Thiết kế: Chiều điểm, chạy ray, có thể điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

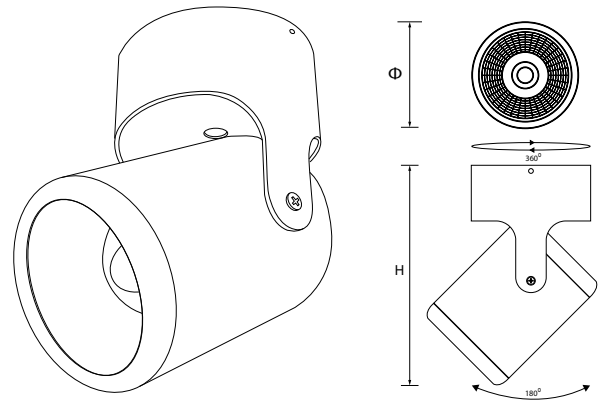
Khung vỏ: Nhôm định hình cắt CNC, tản nhiệt khối gắn trong.

Vật liệu phản quang: Lens PC đúc nguyên khối, phản xạ ánh sáng > 95%

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-RRD07-050/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ50 x 100 x H165	377,000
ANNA-RRD10-050/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ50 x 100 x H165	415,000
ANNA-RRD12-050/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ50 x 100 x H165	423,000
ANNA-RRD15-060/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ60 x 140 x H200	545,000
ANNA-RRD18-060/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ60 x 140 x H200	565,000
ANNA-RRD20-060/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ60 x 140 x H200	584,000
ANNA-RRD24-080/CB(x)	24	T/N/V	1,920	Φ80 x 150 x H200	691,000
ANNA-RRD30-080/CB(x)	30	T/N/V	2,400	Φ80 x 150 x H200	817,000
ANNA-RRD12-050/CB3	12	3 chế độ	960	Φ50 x 100 x H165	562,000



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Rọi mẫu DRA.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

Thiết kế: Chiều điểm, xoay 360°, điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

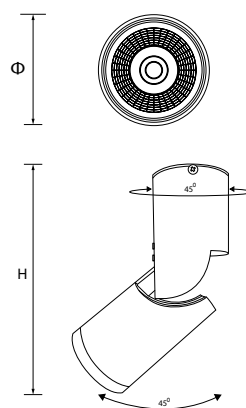
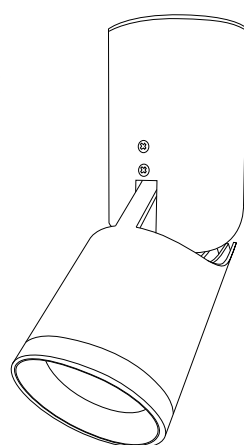
Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện đen/trắng.

Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC trắng gương, phản xạ ánh sáng >98%.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-DRA05-065/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ65 x 127	346,000
ANNA-DRA07-065/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ65 x 127	358,000
ANNA-DRA10-065/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ65 x 127	393,000
ANNA-DRA12-065/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ65 x 127	641,000
ANNA-DRA15-080/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ80 x 162	669,000
ANNA-DRA18-080/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ80 x 162	688,000
ANNA-DRA20-080/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ80 x 162	707,000
ANNA-DRA12-065/CB3	12	3 chế độ	960	Φ65 x 127	790,000



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Rọi mẫu DRB.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

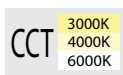
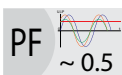
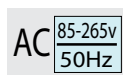
Thiết kế: Chiều điểm, xoay 360°, điều chỉnh được hướng chiếu sáng.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc áp lực cao, phủ sơn tĩnh điện đen/trắng.

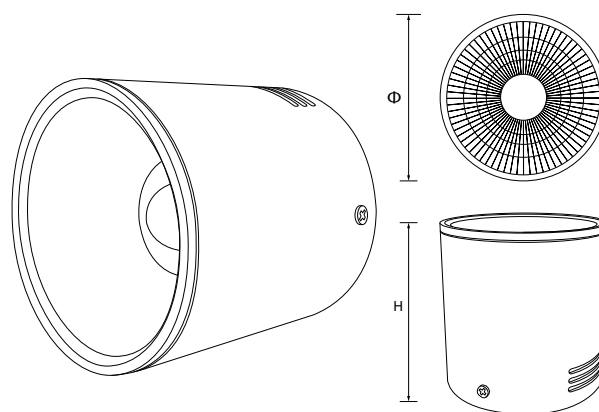
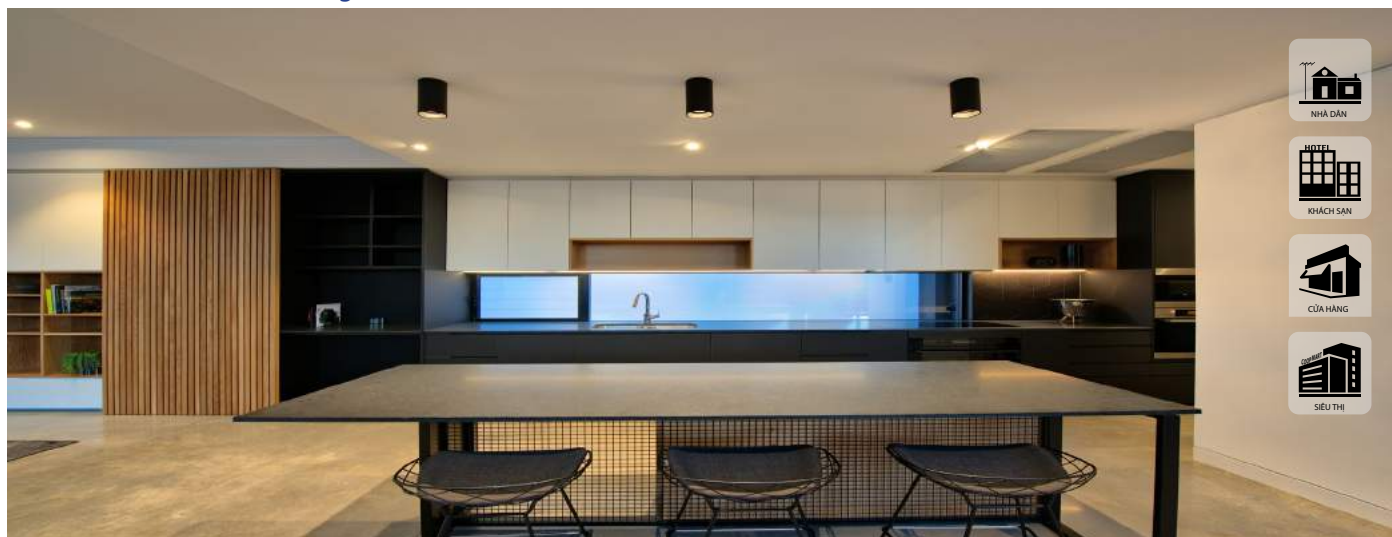
Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC tráng gương, phản xạ ánh sáng >98%.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-DRB10-055/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ55 x 160 x H140	633,000
ANNA-DRB12-055/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ55 x 160 x H140	641,000
ANNA-DRB15-055/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ55 x 160 x H140	669,000
ANNA-DRB18-065/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ65 x 175 x H150	688,000
ANNA-DRB20-065/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ65 x 175 x H150	707,000
ANNA-DRB12-055/CB3	12	3 chế độ	960	Φ55 x 160 x H140	790,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Lon (ống bơ) mẫu LOA.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

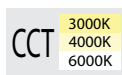
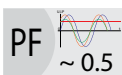
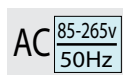
Thiết kế: Chiều điểm, lắp cố định lên trần.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm định hình sơn tĩnh điện, khối tản nhiệt gắn trong.

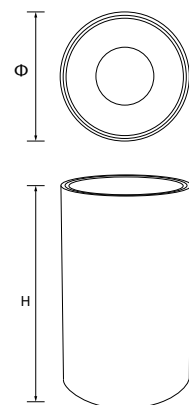
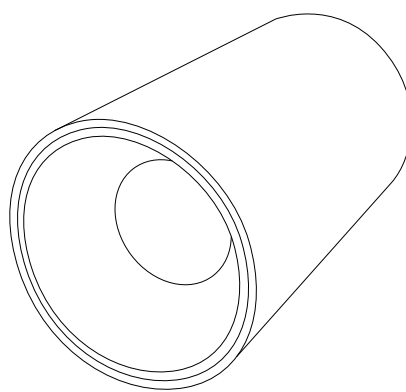
Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC tráng gương, phản xạ ánh sáng >98%.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-LOA05-100/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ100 x H100	377,000
ANNA-LOA07-100/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ100 x H100	390,000
ANNA-LOA10-100/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ100 x H100	424,000
ANNA-LOA12-100/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ100 x H100	432,000
ANNA-LOA15-100/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ100 x H100	462,000
ANNA-LOA12-100/CB3	12	3 chế độ	960	Φ100 x H100	583,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Lon (ống bơ) mẫu LOB.

Chip LED: Bridgelux COB (Mỹ), tuổi thọ trên 30.000 giờ.

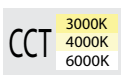
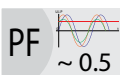
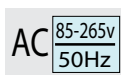
Thiết kế: Chiều điểm, lắp cố định lên trần.

Nguồn: Power-Isolated, bảo vệ quá tải, sụt áp và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm định hình sơn tĩnh điện, khối tản nhiệt gắn trong.

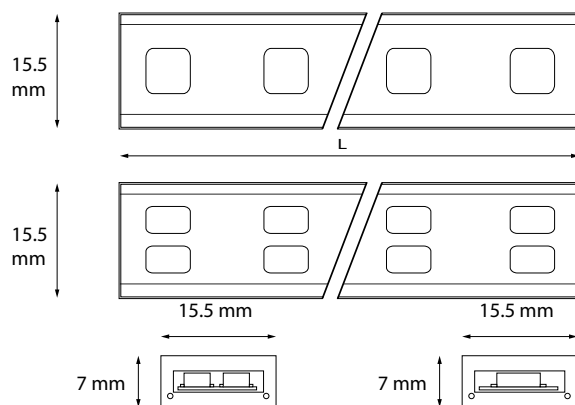
Vật liệu phản quang: Chóa nhựa PC tráng gương, phản xạ ánh sáng >98%.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-LOB05-055/CB(x)	5	T/N/V	400	Φ55 x H100	306,000
ANNA-LOB07-055/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ55 x H100	319,000
ANNA-LOB07-075/CB(x)	7	T/N/V	560	Φ75 x H130	459,000
ANNA-LOB10-075/CB(x)	10	T/N/V	800	Φ75 x H130	493,000
ANNA-LOB12-095/CB(x)	12	T/N/V	960	Φ95 x H150	611,000
ANNA-LOB15-095/CB(x)	15	T/N/V	1,200	Φ95 x H150	639,000
ANNA-LOB18-115/CB(x)	18	T/N/V	1,440	Φ115 x H170	848,000
ANNA-LOB20-115/CB(x)	20	T/N/V	1,600	Φ115 x H170	866,000
ANNA-LOB12-095/CB3	12	3 chế độ	960	Φ95 x H150	760,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Dây mẫu LDA.

Chip LED: Epistar SMD 5050/2835 (Đài Loan), tuổi thọ >30.000 giờ.

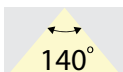
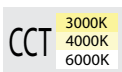
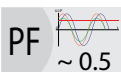
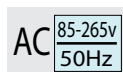
Thiết kế: Trang trí ngoài trời, hắt trần.

Nguồn: 220vAC sang 5vDC cách ly, chống nước an toàn.

Khung vỏ: Nhựa dẻo trong suốt, không bị ngả màu.

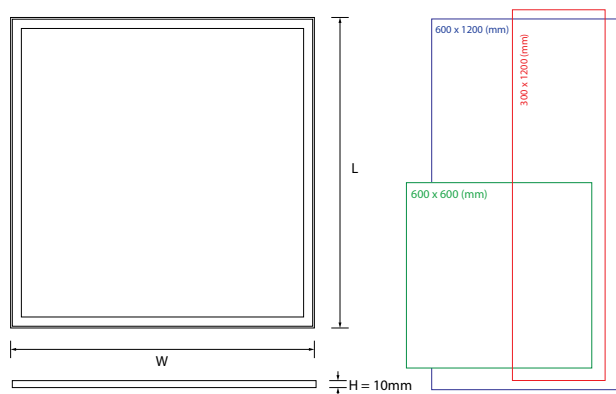
Dây dẫn: Đồng mạ kẽm giúp chống oxy hóa và dẫn điện tốt hơn.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Ánh sáng (x)	Chip LED	Hàng/Led (1 mét)	Mét/Cuộn	Giá/m (VNĐ)
ANNA-LDA14-5050/SE(x)	Trắng/Nắng/Vàng	SMD 5050	1/60	100M	93,000
ANNA-LDA14-5050/SE(x)	Xanh lá/Đỏ	SMD 5050	1/60	100M	93,000
ANNA-LDA14-5050/SEP	Hồng	SMD 5050	1/60	100M	132,000
ANNA-LDA14-5050/SEB	Xanh trời	SMD 5050	1/60	100M	132,000
ANNA-LDB16-2835/SE(x)	Trắng/Nắng/Vàng	SMD 2835	2/160	100M	137,000
ANNA-LDA14-5050/SE3	3 chế độ RGB	SMD 5050	1/60	100M	190,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Panel mẫu PLA.

Chip LED: Philips/Epistar, tuổi thọ trên 30.000 giờ.

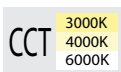
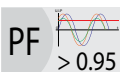
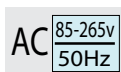
PCB LED: Led thanh, chip Led được hàn trên thanh nhôm tản nhiệt.

Nguồn: Done Power-Isolated, bảo vệ quá tải và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc sơn tĩnh điện, trọng lượng nhẹ.

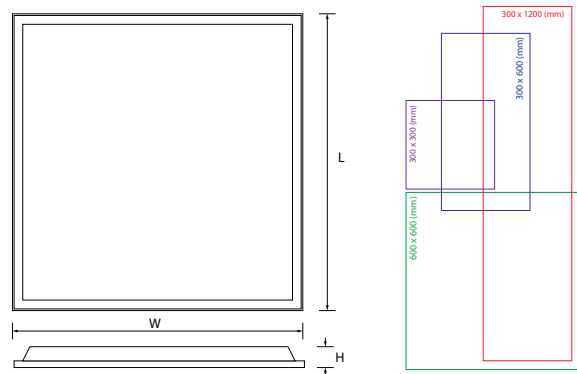
Vật liệu dẫn sáng: Polycarbonat, PMMA LGP hệ số truyền sáng cao.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	RA	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-PLA48-0606/SE(x)	48	T/N/V	80	3,840	L600 x W600	1,326,000
ANNA-PLA64-0606/SE(x)	64	T/N/V	80	5,120	L600 x W600	1,517,000
ANNA-PLA72-0606/SE(x)	72	T/N/V	80	5,760	L600 x W600	1,553,000
ANNA-PLA96-0606/SE(x)	96	T/N/V	80	7,680	L600 x W600	1,685,000
ANNA-PLA48-1203/SE(x)	48	T/N/V	80	3,840	L1200 x W300	1,763,000
ANNA-PLA72-1203/SE(x)	72	T/N/V	80	5,796	L1200 x W300	1,857,000
ANNA-PLA64-1206/SE(x)	64	T/N/V	80	5,120	L1200 x W600	3,412,000
ANNA-PLA72-1206/SE(x)	72	T/N/V	80	5,760	L1200 x W600	3,601,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Panel Backlight mẫu PLB.

Chip LED: Philips/Epistar, tuổi thọ trên 30.000 giờ.

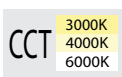
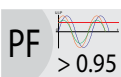
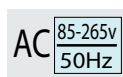
PCB LED: Led thanh, chip Led được hàn trên thanh nhôm tản nhiệt.

Nguồn: Done Power-Isolated, bảo vệ quá tải và ngắn mạch.

Khung vỏ: Nhôm đúc sơn tĩnh điện, trọng lượng nhẹ.

Vật liệu dẫn sáng: Polycarbonat giúp ánh sáng dịu và đều hơn.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



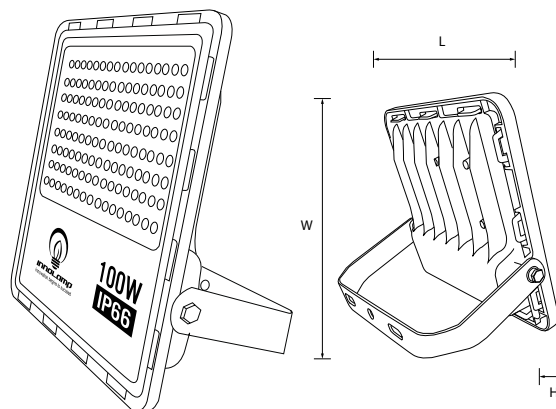
Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	RA	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-PLB18-0303/SE(x)	18	T/N/V	80	1,440	W300 x L300	621,000
ANNA-PLB28-0306/SE(x)	28	T/N/V	80	2,240	W300 x L600	850,000
ANNA-PLB48-0606/SE(x)	48	T/N/V	80	3,840	W600 x L600	1,163,000
ANNA-PLB48-1203/SE(x)	48	T/N/V	80	3,840	W300 x L1200	1,556,000
ANNA-PLB72-1203/SE(x)	72	T/N/V	80	5,760	W300 x L1200	2,803,000

PHỤ KIỆN (Không kèm theo)



Tại cái đèn bắt âm trần





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Pha mẫu PHL.

Chip LED: Philips SMD 3030, tuổi thọ trên 30.000 giờ.

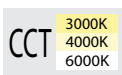
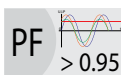
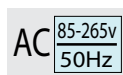
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày 1mm.

Nguồn: Power-Isolated, nguồn tích hợp, ổn định, hiệu suất cao.

Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, mặt nhựa PC siêu bền.

Vật liệu dẫn sáng: Lens PC đa mắt, hiệu quả tăng cường độ sáng cao.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



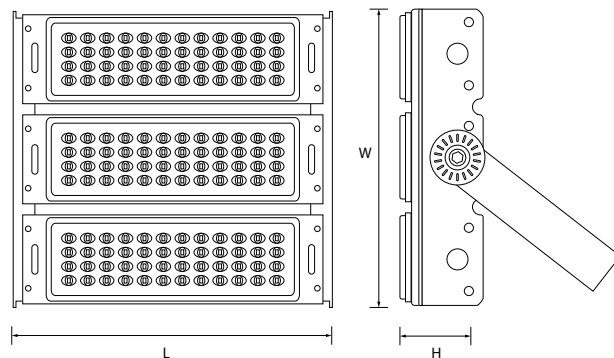
Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Chip	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-PHL30-195/SE(x)	30	T/N/V	SMD	3,900	195 x 230 x H35	760,000
ANNA-PHL50-230/SE(x)	50	T/N/V	SMD	6,500	230 x 240 x H35	925,000
ANNA-PHL100-275/SE(x)	100	T/N/V	SMD	13,000	275 x 290 x H50	1,620,000
ANNA-PHL150-320/SE(x)	150	T/N/V	SMD	19,500	320 x 330 x H50	2,370,000
ANNA-PHL200-350/SE(x)	200	T/N/V	SMD	26,000	350 x 370 x H55	3,910,000



NHÃN DÁN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- Thiết bị được dán nhãn đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng được công nhận bởi Bộ Công Thương.
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 11844:2017





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Pha module mẫu PHM.

Chip LED: Philips SMD 3030, tuổi thọ trên 30.000 giờ.

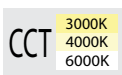
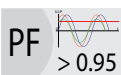
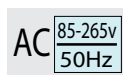
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày.

Nguồn: Power-Isolated hoặc Done, ổn định, hiệu suất cao.

Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, mặt nhựa PC siêu bền.

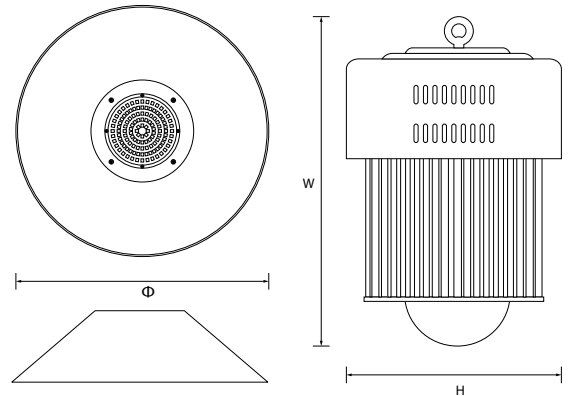
Vật liệu dẫn sáng: Lens PC đa mắt, hiệu quả tăng cường độ sáng cao.

Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



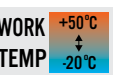
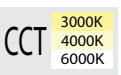
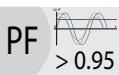
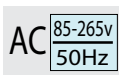
Mã sản phẩm	Công suất	Chip	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-PHM50-090/SP(x)	50	SMD	T/N/V	5,000	280 x L90 x H120	1,530,000
ANNA-PHM100-180/SP(x)	100	SMD	T/N/V	10,000	280 x L180 x H120	2,832,000
ANNA-PHM150-270/SP(x)	150	SMD	T/N/V	15,000	280 x L270 x H120	4,058,000
ANNA-PHM200-360/SP(x)	200	SMD	T/N/V	20,000	280 x L360 x H120	5,285,000
ANNA-PHM250-450/SP(x)	250	SMD	T/N/V	25,000	280 x L450 x H120	6,595,000
ANNA-PHM300-540/SP(x)	300	SMD	T/N/V	30,000	280 x L540 x H120	7,780,000





THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Nhà xưởng mẫu NXE.
Chip LED: Cree/Epistar SMD 3030, tuổi thọ trên 30.000 giờ.
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày.
Nguồn: Meanwell/HPF, nguồn tích hợp, ổn định, hiệu suất cao.
Khung vỏ: Nhôm định hình, thép cán nguội, chứa nhôm.
Vật liệu dẫn sáng: Chiếu sáng trực tiếp.
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.

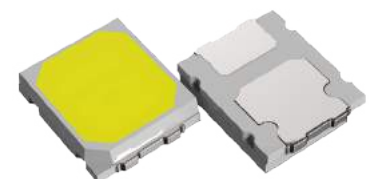


Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Khối lượng	Kích thước	Giá (Cree)	Giá (Epistar)
ANNA-NXE80-410/SA(x)	80	T/N/V	8,000	2.80	Φ410 x H390	x	2,901,000
ANNA-NXE100-410/SA(x)	100	T/N/V	10,000	3.10	Φ410 x H390	5,216,000	3,443,000
ANNA-NXE150-410/SA(x)	150	T/N/V	15,000	4.20	Φ410 x H430	6,762,000	4,440,000

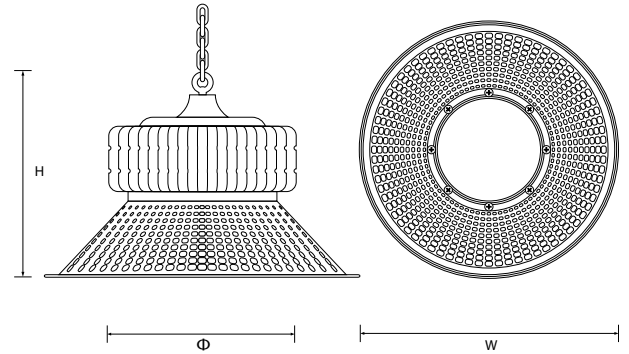
Bảo hành 02 năm với chip Epistar

CHIP LED SMD là viết tắt của Surface Mounted Diode, có nghĩa là linh kiện gắn trên bề mặt. Kiểu đóng gói này sẽ có 3 diốt phát quang trên mỗi chip. Bề mặt chip LED SMD phẳng hơn, kích thước nhỏ hơn và nhiều chân cắm hơn.

Chúng có tuổi thọ cao hơn nhờ khoảng cách giữa các diốt rộng. Lượng nhiệt sinh ra được trải đều và thoát nhiệt nhanh. Không có tình trạng lãng phí điện năng, có thể tiết kiệm đến 70%. Có thể tạo ra nhiều nhiệt độ màu khác nhau. Chip LED SMD có nhiều thiết kế với các kích thước khác nhau. Nhưng phổ biến nhất đó là LED SMD 2835, 3030, 5730 và 5050.



EPistar LED CHIP SMD 2835

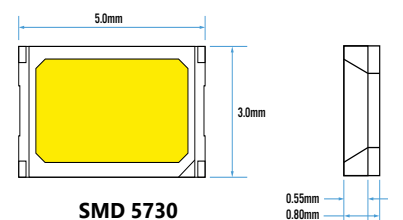
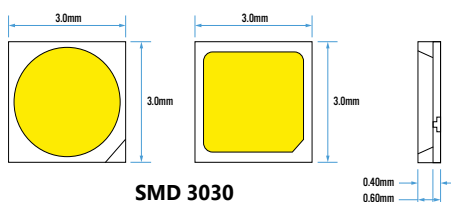
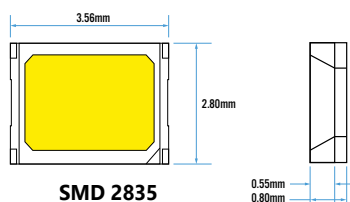


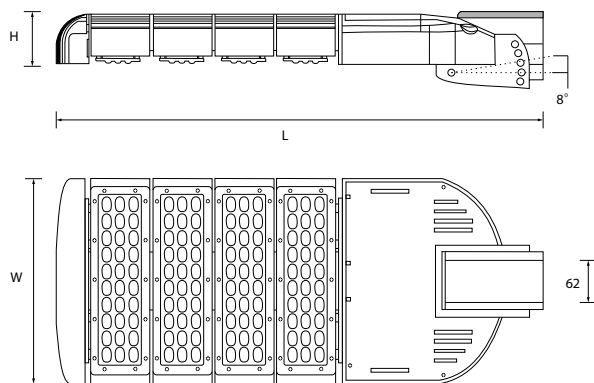
THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Nhà xưởng mẫu NXF.
 Chip LED: Epistar SMD 3030/Epistar TIM, tuổi thọ trên 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày.
 Nguồn: Power-Isolated, nguồn tích hợp, ổn định, hiệu suất cao.
 Khung vỏ: Nhôm định hình, thép cán nguội, chóa nhôm.
 Vật liệu dẫn sáng: Chiếu sáng trực tiếp.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu	Chip	Quang thông	Kích thước	Giá (VNĐ)
ANNA-NXF100-450/CE(x)	100	T/N/V	SMD/TIM	8,000	Φ450 x H300	1,856,000
ANNA-NXF150-450/CE(x)	150	T/N/V	SMD/TIM	12,000	Φ450 x H300	2,271,000
ANNA-NXF200-450/CE(x)	200	T/N/V	SMD/TIM	16,000	Φ450 x H320	2,962,000





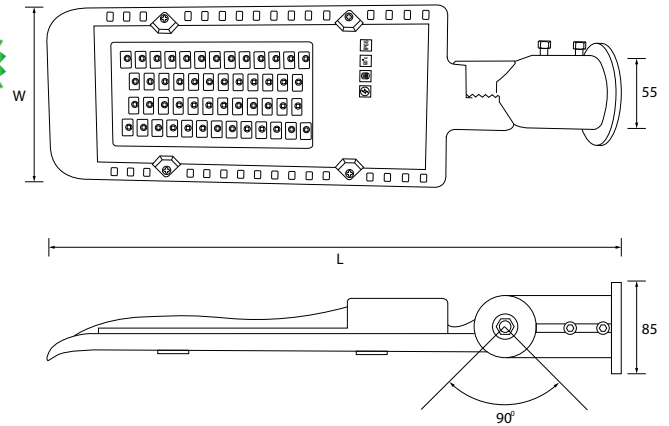
THÔNG TIN SẢN PHẨM

Tên gọi: Đèn LED Đường phố mẫu DDB.
 Chip LED: SMD Cree/Philips, tuổi thọ trên 30.000 giờ.
 PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày.
 Nguồn: Meanwell, nguồn tích hợp, ổn định, chống sét.
 Khung vỏ: Hợp kim nhôm đúc áp lực cao, tản nhiệt nhôm cao cấp.
 Vật liệu dẫn sáng: Lens PC đa mắt, tăng hiệu quả chiếu sáng.
 Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Quang thông	Kích thước	Giá (Philips)	Giá (Cree)
ANNA-DDB50-415/SA(x)	50	T/N/V	5,000	415 x 335 x 170	6,803,000	8,039,000
ANNA-DDB100-500/SA(x)	100	T/N/V	10,000	500 x 335 x 170	8,683,000	11,155,000
ANNA-DDB150-580/SA(x)	150	T/N/V	15,000	580 x 335 x 170	10,440,000	14,147,000
ANNA-DDB200-665/SA(x)	200	T/N/V	20,000	665 x 335 x 170	12,544,000	17,489,000
ANNA-DDB250-750/SA(x)	250	T/N/V	25,000	750 x 335 x 170	16,045,000	22,226,000
ANNA-DDB300-835/SA(x)	300	T/N/V	30,000	835 x 335 x 170	17,575,000	24,993,000
ANNA-DDB350-915/SA(x)	350	T/N/V	35,000	915 x 335 x 170	20,707,000	29,361,000

Bảo hành 03 năm với chip Philips

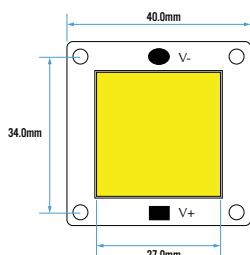


THÔNG TIN SẢN PHẨM

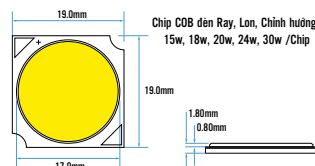
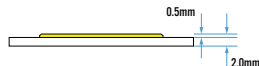
Tên gọi: Đèn LED Đường phố mẫu DDI.
Chip LED: Philips/Epistar SMD 3030, tuổi thọ trên 30.000 giờ.
PCB LED: LED board, chip LED được hàn trên board mạch nhôm dày.
Nguồn: Power-Isolated, nguồn tích hợp, ổn định, hiệu suất cao.
Khung vỏ: Nhôm định hình, mặt kính cường lực.
Vật liệu dẫn sáng: Chiếu sáng trực tiếp.
Điện áp hoạt động: Dải rộng từ 85v - 265v AC, 50 - 60Hz.



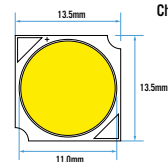
Mã sản phẩm	Công suất	Nhiệt màu (x)	Chip	Quang thông	Kích thước	Giá (VND)
ANNA-DDI50-470/SE(x)	50	T/N/V	SMD	5,000	470 x 150 x 45	1,398,000
ANNA-DDI100-550/SE(x)	100	T/N/V	SMD	10,000	550 x 150 x 45	2,688,000
ANNA-DDI150-610/SE(x)	150	T/N/V	SMD	15,000	550 x 150 x 45	3,288,000



Chip COB đèn Pha
50w/Chip



Chip COB đèn Ray, Lon, Chính hướng
15w, 18w, 20w, 24w, 30w /Chip



Chip COB đèn Ray, Lon, Chính hướng
3w, 5w, 7w, 10w, 12w /Chip



THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU TRONG SẢN PHẨM



Cree - Thương hiệu sản xuất chip LED cao cấp hàng đầu Mỹ. Chip LED Cree được sản xuất từ các vật liệu InGaN cao cấp cùng với chất nền G • SIC® đem đến cho chip LED Cree những tính năng vượt trội như: độ bền bỉ, ánh sáng có hiệu suất cao, phát sinh nhiệt thấp rất thích hợp cho các đèn LED có cường độ sáng cao. InnoLamp đã áp dụng công nghệ của chip LED Cree trong giải pháp đèn chiếu sáng công nghiệp như: Đèn xưởng, đèn đường và đèn pha.



Bridgelux một thương hiệu đến từ Mỹ, chuyên sản xuất chip LED hiệu suất cao, công nghệ tiên tiến, có chất lượng và độ tin cậy rất cao. Đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong việc sản xuất chip LED chiếu sáng, đèn LED trong ô tô, máy ảnh và trên thiết bị di động. Bridgelux cung cấp bảng mạch LED Chip On Board (COB) trên các sản phẩm đèn Lon, Ray rọi, đèn Rọi, Chỉnh hướng, của ANNA MEDIA.



Philips là thương hiệu nổi tiếng với chip LED Luxeon. Chip LED được xếp vào loại rất ổn định và được thị trường ưa chuộng. Chip LED của Philips được ANNA MEDIA sử dụng lắp đặt trên các sản phẩm đèn dân dụng, đèn đường, đèn pha và đèn nhà xưởng...

EPISTAR

Epistar là nhà sản xuất LED chip lớn nhất của Đài loan và LED được sản xuất đảm bảo về tiêu chuẩn, chất lượng hàng đầu thế giới. Led của Epistar được xếp vào loại có chất lượng cao, ánh sáng trung thực, tuổi thọ của chip LED có thể lên đến 50.000 giờ.



Mean Well Enterprises Co, Ltd là một trong những nhà sản xuất bộ nguồn cung cấp, nguồn chuyển đổi AC/DC hàng đầu trên thế giới. Tất cả các sản phẩm sử dụng nguồn Meanwell của ANNA MEDIA đều được bảo hành từ 3 - 5 năm.

CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG MÃ SẢN PHẨM

Mã sản phẩm	Tên NSX	Model	Công suất	Kích thước	Kiểu chip	Loại chip	Ánh sáng	Kiểu viền
ANNA-BNG18-0M6/SSTN	ANNA	BNG	18w	0,6m	SMD	Epistar	T	N
ANNA-DRA05-065/CBVN	ANNA	DRA	05w	65mm	COB	Bridgelux	V	N



Kiểu Chip	S: SMD C: COB D: DOB	Loại Chip	E: Epistar B: Bridgelux P: Philips C: Cree N: Encapsule	Ánh sáng	T: Trắng V: Vàng N: Trung tính 3: 3 chế độ	Kiểu viền	B: Bạc V: Vàng D: Đỏ N: Không
------------------	----------------------------	------------------	---	-----------------	---	------------------	--

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 2	
Đèn Âm trần 5	
Đèn Ốp trần 7	
Đèn Downlight 11	
Đèn Chỉnh hướng 23	
Đèn Tube 25	
Đèn Ray 28	
Đèn Rọi 32	
Đèn Lon 34	
Led dây 36	
Đèn Panel 37	
Đèn Pha 39	
Đèn Nhà xưởng 41	
Đèn Đường 43	



CÔNG TY TNHH ANNA MEDIA ANNA MEDIA COMPANY LIMITED

 (+84) 098 349 8998

 <https://annamedia.com>

 contact@annamedia.com

 12 Đường số 65, P.Tân Phong, Q.7, TP.HCM, Việt Nam